

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/DS-ST
Ngày: 28-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp A, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Tấn L1, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp B, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Theo văn bản ủy quyền lập ngày 25-8-2020; (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị C, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp A, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn L2, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp BT, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L2: Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 16-4-2021; (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp BT, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Lê Tấn L1 trình bày: Do có quen biết từ trước, bà Huỳnh Thị L có cho bà Đặng Thị C mượn tiền, vàng nhiều lần, sau đó bà C làm biên nhận vào ngày 18-4-2019 với nội dung bà C còn nợ bà L 400.000.000 đồng và 7,5 cây vàng (75 chỉ vàng) 24K. Bà C có hứa trả bà L hàng năm 12.000.000 đồng nhưng không trả nên nay bà L kiện đòi bà C phải trả, đồng thời tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 400.000.000 đồng từ ngày 18-4-2019 cho đến khi xét xử.

Bị đơn, bà Đặng Thị C trình bày: Bà thừa nhận giấy mượn tiền ngày 18-4-2019 bà có ký tên, viết tên, còn dòng chữ “Tiền mượn 400 triệu và 7,5 cây vàng 18-4-2019” là do bà L viết. Dòng chữ phía sau với nội dung “Đặng Thị C hàng năm 18-4-2019 tới mùa sầu riêng bán 2020 trả hàng năm 12.000.000” và chữ viết tên “Đặng Thị C” là do bà viết. Lý do bà ký, bà viết vào tờ giấy này là do chính bà Huỳnh Thị L dẫn 02 người đi theo vào đe dọa, ép buộc. Cụ thể là hai người đàn ông đi theo bà L đã bóp cổ bà, nên bà phải ký và viết vào tờ giấy mượn tiền, mượn vàng. Số tiền, số vàng mà bà nhận của bà L là do bà đứng ra mượn dùm cho vợ chồng ông Lê Văn L2 và bà Nguyễn Thị N. Bà N, ông L2 nhờ bà mượn vàng, tiền của bà L. Trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2012 thì chỉ mượn vàng, còn từ năm 2012 trở về sau thì chỉ mượn tiền. Tổng cộng bà mượn dùm cho ông L2, bà N là 40 chỉ vàng 24K, còn tiền thì mượn tổng cộng là 400.000.000 đồng. Đến ngày 10-11-2017 âm lịch, một mình ông L2 đem qua nhà bà 400.000.000 đồng để trả nợ cho bà L nhưng ra điều kiện là chỉ trả số tiền này là xong, yêu cầu bà xóa hết giấy nợ, bà không đồng ý vì ông L2, bà N còn nợ số vàng 40 chỉ, nhưng do bà sợ ông L2 bỏ về nên đã đồng ý nhận của ông L2 400.0000.000 đồng, bà có nói để bà kêu bà L lại nói rõ việc nợ này nhưng ông L2 không đồng ý. Trưa ngày 10-11-2017, bà có kêu bà L lại nhà bà và bà đã giao số tiền 400.000.000 đồng cho bà L nhưng không có làm văn bản, giấy tờ gì. Bà L cũng không đồng ý bỏ số vàng 40 chỉ 24K còn nợ. Số tiền 400.000.000 đồng bà vay của bà L với lãi suất 5 phân (1.000.000 đồng thì lãi mỗi tháng là 50.000 đồng) rồi cho ông L2, bà N vay lại với lãi suất 6 phân (1.000.000 đồng thì lãi mỗi tháng là 60.000 đồng) để lấy lời. Thời gian đầu bà N, ông L2 đóng lãi đúng hạn, đến ngày 10-11-2017 âm lịch trở về sau thì không đóng tiền lãi cho bà nữa. Trong thời gian ông L2, bà N đóng tiền lãi cho bà thì bà cũng đóng lãi cho bà L đúng như thỏa thuận. Phía ông L2, bà N cho rằng đã đóng tiền lãi cho bà L nhiều nên không đồng ý trả số vàng còn nợ. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà

L, bà không đồng ý trả nợ vì số tiền, vàng này bà vay dùm cho bà N, ông L2 nên nay nếu kiện thì bà L phải đi kiện ông L2, bà N. Đối với số nợ vàng còn lại 40 chỉ 24K thì 12 ngày sau ngày 10-11-2017 âm lịch, bà có nhờ Phong là hàng xóm của bà đến nhà ông L2, bà N để nói rõ việc còn nợ số vàng nhưng bị ông L2, bà N lấy dao rượt chém bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn L2 trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng, nhưng bà N bị bệnh lao màng não từ năm 2005 đến nay nên đi mượn nợ, chơi hụi và thiếu nợ nhiều người, trong đó có bà Đặng Thị C. Ông đã phải bán 4.500m² đất để trả nợ cho bà N và đã trả nợ cho bà C xong theo giấy lập ngày 27-12-2017, nhằm ngày 10-11-2017 âm lịch. Tất cả số tiền nợ bà C là do bà N vay, ông phải đi trả, còn bà L không liên quan gì đến số tiền này, vợ chồng ông cũng không biết bà L.

Tại phiên tòa, anh Lê Tấn L1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đặng Thị C phải trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật 10%/năm kể từ ngày bà C nhận tiền đến ngày xét xử là 02 năm với số tiền 80.000.000 đồng, và trả số vàng 7,5 lượng vàng 24K; Bà Võ Thị Minh T là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn L2 có ý kiến việc vay mượn vàng, tiền giữa bà L, bà C không có liên quan đến ông L2, bà N, phía ông L2 đã trả nợ cho bà C 400.000.000 đồng và không biết bà L là ai, do đó không đồng ý theo ý kiến của bà C cho rằng bà L kiện ông L2, bà N để đòi lại tiền, vàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị C phải trả số tiền vay 400.000.000 đồng và 7,5 lượng vàng 24K. Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại ấp A, xã LT, huyện C nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, bà Đặng Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự đã nêu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Huỳnh Thị L khởi kiện đòi nợ vay bà Đặng Thị C trên cơ sở giấy nhận nợ lập ngày 18-4-2019. Theo nội dung giấy nợ ghi “Tiền mượn 400 triệu và 7,5 cây vàng”, bà C có ghi “Tui có thiếu số nợ” và đã ký tên, ghi họ tên. Sau đó, bà L cho bà C trả nợ hàng năm là 12.000.000 đồng theo mùa sầu riêng kể từ ngày 18-4-2019. Phía bà C thừa nhận bà có ký tên, viết họ tên và tự viết nội dung xin trả nợ dần cho bà L nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Bà C cho rằng bà ký tên vào giấy nợ là do bà L ép buộc, có dẫn theo hai người đàn ông đến để đe dọa nhưng không được phía bà L thừa nhận, và bà C cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Bà C tinh thần minh mẫn, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên nếu vào thời điểm ký giấy nợ, bà bị bà L ép buộc thì sau đó bà vẫn có thời gian, điều kiện để trình báo cho chính quyền địa phương xử lý, thế nhưng từ đó đến nay bà không có biện pháp nào để bảo vệ quyền lợi cho mình, cũng không có chứng cứ gì chứng minh có sự việc bà bị đe dọa, ép buộc ký giấy nợ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày này của bà C.

Bà C thừa nhận có vay của bà L 400.000.000 đồng và 40 chỉ vàng 24K, bà vay của bà L với lãi suất “5 phân”, sau đó cho bà N, ông L2 vay lại với lãi suất “6 phân”. Phía bà L cho rằng cho bà C vay với lãi suất theo qui định của nhà nước, và từ ngày lập lại biên nhận 18-4-2019 thì bà C không đóng lãi cho bà L. Trong giấy nợ hai bên không ghi lãi suất và bà C không có chứng cứ chứng minh mức lãi hai bên đã thỏa thuận là bao nhiêu, cũng như số tiền lãi mà bà đã trả cho bà L nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét phần này. Bà C cho rằng đã trả cho bà L 400.000.000 đồng tiền vốn sau khi ông L2 mang tiền đến trả nhưng không làm giấy tờ, phía bà L thì không thừa nhận và bà C cũng không có bất kỳ người làm chứng hay chứng cứ gì khác để chứng minh bà đã trả tiền cho bà L. Lẽ ra, khi trả số tiền lớn (400.000.000 đồng) thì bà C phải lấy lại giấy nợ hoặc làm biên nhận thể hiện bà L nhận tiền, nhưng bà C không thực hiện, nay không có chứng cứ gì chứng minh đã trả nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Ngoài số tiền, bà L còn cho bà C vay 7,5 cây (Lượng) vàng được thể hiện cùng giấy nợ, phía bà C cho rằng chỉ vay 4 cây (Lượng) vàng từ bà L nhưng bà C cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà chỉ vay của bà L 4 lượng vàng, không phải là 7,5 lượng như giấy nợ và lời trình bày của phía bà L.

Ông Lê Văn L2 thừa nhận rằng việc giao dịch là giữa ông, vợ ông là bà N với bà C, không liên quan gì đến bà L. Nếu bà C vay tiền của bà L rồi cho ông L2, bà N vay lại hưởng chênh lệch thì bà C phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, buộc bà C có nghĩa vụ trả số tiền 400.000.000 đồng và 7,5 lượng vàng 24K. Do giấy nợ không có thỏa thuận lãi suất, phía bà L yêu cầu trả lãi 10%/năm trên số tiền 400.000.000 đồng bà C đã nhận trong 02 năm từ 18-4-2019 đến 28-5-2021 là 80.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và có lợi cho bà C nên chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đề nghị tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 12/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 10 năm 2020 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để hủy bỏ, thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng tại Quyết định số 12/2020/QĐ-BPKCTT nêu trên nên cần tiếp tục duy trì.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí, bà L là người cao tuổi, được cho miễn nộp tạm ứng án phí khi thụ lý vụ án nên không có việc hoàn lại án phí cho nguyên đơn. Bà Đặng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà C là người cao tuổi nên được xét cho miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Pháp lệnh số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L. Buộc bà Đặng Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng (Trong đó gồm 400.000.000 đồng tiền vốn và 80.000.000 đồng tiền lãi) và 7,5 (Bảy phẩy năm) lượng vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 12/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 10 năm 2020 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí: Bà Đặng Thị C là người cao tuổi nên được cho miễn nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án như đã nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực